TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 23/02/2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ÔngLương Ngọc Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. ÔngĐoàn Văn Hiển.

2. ÔngNguyễn Thanh Tiền.

- Thư ký phiên tòa: ÔngTrần Văn Quang - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu, Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 02 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm côngkhai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 83/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị H, sinh năm 1996, địa chỉ cư trú: Tổ 24, ấp Mỹ H, xã Mỹ Hội Đ, huyện Chợ M, tỉnh An Giang, có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Tuấn E, sinh năm 1989, địa chỉ cư trú: ấp Bình Q, xã B, huyện Châu P, tỉnh An Giang, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 22 tháng 11 năm 2021, bản tự khai, biên bản hoà giải và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Trương Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông E chung sống với nhau vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Bình Phú, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 145 ngày 30/11/2015. Thời gian đầu sống hạnh phúc, đến tháng 3/2021 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông E khôngtôn trọng bà, không chăm lo cuộc sống gia đình, làm được bao nhiêu tiền thì tiêu xài ăn chơi, thường xuyên cải vã, tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Bà và ông E đã sống ly thân từ tháng 3/2021 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn để tiếp tục sống chung nên bà H yêu cầu ly hôn với ông E.

Về con chung: Bà và ông E có 01 người con chung tên Nguyễn Văn T, sinh ngày 11/7/2015, hiện đang sống với bà H. Bà H yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy con chung, không yêu cầu ông E cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà và ông E tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại biên bản hoà giải và tại phiên toà, bị đơn là ông Nguyễn Tuấn E trình bày:

Về hôn nhân: Ông E thống nhất lời trình bày của bà H về điều kiện đi đến hôn nhân, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Nhận thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, mong được đoàn tụ nên ông không đồng ý ly hôn với bà H.

Về con chung: Ông và bà H có 01 người con chung tên Nguyễn Văn T, sinh ngày 11/7/2015, hiện đang sống với bà H. Ông đồng ý giao bà H tiếp tục nuôi dạy con chung, ông không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Ông và bà H tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, thực hiện tống đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ đúng quy định pháp luật. Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định tố tụng tại phiên toà.

- Về việc chấp hành pháp luật: Các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà.

- Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Bà H và ông E chung sống với nhau có đăng ký kết hôn đúng quy định của pháp luật nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó bà H yêu cầu ly hôn là có căn cứ.

Về con chung: Bà H và ông E thống nhất bà H được tiếp tục nuôi dạy con chung, ông E không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Từ cơ sở trên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 8, 9, 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H.

Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Văn T, sinh ngày 11/7/2015 cho bà H trực tiếp chăm sóc nuôi dạy. Ông E không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, người tham gia tố tụng và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn khởi kiện tại Tòa án và đã nộp tạm ứng án phí nên Tòa án thụ lý giải quyết theo thẩm quyền.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà H và ông E tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Bình Phú, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 145 ngày 30/11/2015 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Theo lời khai của bà H thì mâu thuẫn phát sinh trong quá trình chung sống là do ông E không tôn trọng bà, không chăm lo cuộc sống gia đình, làm được bao nhiêu tiền thì tiêu xài ăn chơi, thường xuyên cải vã, tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, từ đó bà và ông E đã sống ly thân từ tháng 3/2021 cho đến nay.

Ông E thống nhất lời trình bày của bà H về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Nhận thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, mong được đoàn tụ. Tuy nhiên việc ông E muốn đoàn tụ nhưng trong thời gian sống ly thân từ tháng 3/2021 cho đến nay bà H và ông E không có cho nhau cơ hội để vợ chồng đoàn tụ. Tại phiên toà bà H vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn.

Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của bà H và ông E. Tại biên bản xác minh do Tòa án lập ngày 15/11/2022, đại diện ban ấp Bình Quới, xã Bình Phú, huyện Châu Phú cho biết trong quá trình chung sống bà H và ông E có xảy ra mâu thuẫn hay không thì địa phương không rõ do không nhận được thông tin.

Từ cơ sở trên xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông E là mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó bà H yêu cầu ly hôn với ông E là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Bà H và ông E có 01 người con chung tên Nguyễn Văn T, sinh ngày 11/7/2015, hiện đang sống với bà H. Bà H yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy con chung, không yêu cầu ông E cấp dưỡng nuôi con chung. Ông E đồng ý giao bà H tiếp tục nuôi dạy con chung, ông không cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy cháu T hiện đang sống với bà H, cháu T cũng có nguyện vọng được sống cùng với bà H. Nên giao cháu T cho bà H tiếp tục nuôi dạy.

Ông E không phải cấp dưỡng nuôi con chung, có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, Toà án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung: Bà H và ông E tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Bà H và ông E khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí:

Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông E không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của

Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị H.

Bà Trương Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Tuấn E.

Giấy chứng nhận kết hôn số 145 ngày 30/11/2015 của Uỷ ban nhân dân xã Bình Phú, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang cấp cho bà Trương Thị H và ông Nguyễn Tuấn E không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị H, bà Trương Thị H được nuôi dạy con chung tên Nguyễn Văn T, sinh ngày 11/7/2015.

Ông Nguyễn Tuấn E không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Nguyễn Tuấn E có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, Toà án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trương Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003549 ngày 15 tháng 3 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Phú. Ông Nguyễn Tuấn E không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện KSND huyện Châu Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện Châu Phú;
- UBND xã Mỹ Hội Đông;
- UBND xã Bình Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Lương Ngọc Dũng